

Ngày thi: 09/01/2015

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	1826617353	Nguyễn Thị Kim	Thu	D18XDD1B	10			8.5		8			9	8.9	Tám phẩy Chín		
2	1827617327	Phạm Bá	Thắng	D18XDD1B	10			8.5		8.5			9	9.0	Chín		
3	1827617333	Huỳnh Đức Hoàng	Hải	D18XDD1B	10			9		7			7	7.8	Bảy phẩy Tám		
4	1827617336	Nguyễn Quốc	Ti	D18XDD1B	10			8		6.5			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
5	1827617337	Nguyễn Quốc	Nhi	D18XDD1B	10			8.5		7.5			7.5	8.0	Tám		
6	1827617338	Lê Anh	Tùng	D18XDD1B	9			8		5.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
7	1827617340	Đỗ Đức	Thịnh	D18XDD1B	10			8.5		7.5			5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
8	1827617350	Đặng Thành	Phong	D18XDD1B	10			7.5		7			6	7.0	Bảy		
9	1827617358	Vũ Hữu	Ứng	D18XDD1B	9			7.5		5			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
10	1827617359	Đặng Thành	Đạt	D18XDD1B	10			8		7			8	8.2	Tám phẩy Hai		
11	1827617367	Nguyễn Hoàng	Hà	D18XDD1B	10			8.5		7.5			7.5	8.0	Tám		
12	1827617369	Trần Văn	Dụ	D18XDD1B	10			8.5		7			8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
13	1827617370	Phan Đăng	Lâm	D18XDD1B	10			9		7.5			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
14	1827617371	Nguyễn Công	Tú	D18XDD1B	10			7.5		5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
15	1827617372	Trịnh Khánh	Đương	D18XDD1B	9			8.5		7.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
16	1827617374	Văn Bá	Hùng	D18XDD1B	9			7		4.5			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
17	1827617376	Hoàng Minh	Phương	D18XDD1B	8			8.5		6.5			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
18	1827617380	Huỳnh Văn	Cử	D18XDD1B	10			9		7			6	7.2	Bảy phẩy Hai		
19	1827617383	Nguyễn Như	Nguyên	D18XDD1B	10			8.5		7.5			8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
20	1827617385	Hoàng Việt	Hải	D18XDD1B	10			8.5		6			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
21	1827617387	Nguyễn Đức	Duy	D18XDD1B	9			7.5		6.5			6.5	7.0	Bảy		
22	1827617395	Nguyễn Xuân	Hạnh	D18XDD1B	6			0		4.5			V	0.0	Không		
23	1827617397	Thái Trương Duy	Minh	D18XDD1B	10			8		5.5			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
24	1827617399	Nguyễn Đắc Kháng	Huy	D18XDD1B	9			8.5		6.5			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
25	1827617400	Nguyễn Văn	Trung	D18XDD1B	8			7		6.5			8.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
26	1827617401	Kiều Quốc	Hưng	D18XDD1B	10			6		7			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
27	1827617402	Nguyễn Nhật	Tân	D18XDD1B	10			7		5.5			8.5	8.1	Tám phẩy Một		
28	1827617409	Đinh Ngọc	Bảo	D18XDD1B	4			6		7.5			V	0.0	Không	NỢ HP	
29	1827617410	Nguyễn Ngọc	Sơn	D18XDD1B	4			0		5			4	3.6	Ba phẩy Sáu		
30	1827617414	Lương Anh	Tâm	D18XDD1B	10			8.5		7			8	8.2	Tám phẩy Hai		
31	1827617419	Nguyễn Văn	Quốc	D18XDD1B	9			8.5		7			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
32	1827617436	Phạm Văn	Phong	D18XDD1B	10			9		7.5			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
33	1827617437	Lê Minh	Thanh	D18XDD1B	10			9		7			8	8.3	Tám phẩy Ba		
34	1827617441	Hoàng Đức	Lương	D18XDD1B	10			6		4.5			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
35	1827617443	Nguyễn Văn	Phương	D18XDD1B	7			6		7			8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
36	1827617445	Nguyễn Văn	Tú	D18XDD1B	9			7		6.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
37	1827617447	Phạm Văn	Đông	D18XDD1B	9			8.5		6			2	0.0	Không		
38	1827617453	Trần Anh	Tuấn	D18XDD1B	9			8		6			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
39	1827617455	Phan Văn	Đáng	D18XDD1B	10			8		5.5			5	6.3	Sáu phẩy Ba		
40	1826617412	Nguyễn Thị	Nhã	D18XDD2B	10			8.5		6.5			7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
41	1827617325	Trần Viết	Toàn	D18XDD2B	8			7		3			3	0.0	Không		
42	1827617326	Hà Minh	Hải	D18XDD2B	10			7.5		7			8	8.1	Tám phẩy Một		
43	1827617328	Nguyễn Anh	Quân	D18XDD2B	10			7		7.5			8	8.1	Tám phẩy Một		
44	1827617332	Trần Ngọc	Hoàng	D18XDD2B	10			7.5		3.5			3.5	0.0	Không		

Ngày thi: 09/01/2015

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
45	1827617335	Nguyễn Phạm Ngọc Pha	D18XDD2B	9			7		7.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
46	1827617341	Võ Viết Cường	D18XDD2B	8			5		6			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
47	1827617343	Nguyễn Ngọc Hiếu	D18XDD2B	9			7.5		5			2.5	0.0	Không		
48	1827617344	Trần Minh Toàn	D18XDD2B	9			7		4.5			7.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
49	1827617355	Huỳnh Chung	D18XDD2B	10			7.5		3.5			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
50	1827617362	Nguyễn Đăng Bảo Lộc	D18XDD2B	10			8		6.5			6	7.0	Bảy		
51	1827617365	Nguyễn Tiến Danh	D18XDD2B	9			7.5		5.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
52	1827617377	Võ Văn Vũ	D18XDD2B	10			7.5		3.5			3	0.0	Không		
53	1827617381	Lê Quang Kha	D18XDD2B	9			6		4.5			5	5.7	Năm phẩy Bảy		
54	1827617388	Đặng Kim Tới	D18XDD2B	6			6.5		3.5			2.5	0.0	Không		
55	1827617389	Bùi Văn Quốc	D18XDD2B	8			5		5.5			5.5	5.8	Năm phẩy Tám		
56	1827617392	Đoàn Kim Dung	D18XDD2B	10			7.5		4			3.5	0.0	Không		
57	1827617393	Lê Phước Hải	D18XDD2B	10			7		3			3	0.0	Không		
58	1827617396	Nguyễn Xuân Thúc	D18XDD2B	7			5		3			3.5	0.0	Không		
59	1827617403	Nguyễn Hải Hưng	D18XDD2B	10			8		3			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
60	1827617415	Châu Hiếu Trung	D18XDD2B	9			7.5		3.5			3.5	0.0	Không		
61	1827617417	Lê Minh Tuấn	D18XDD2B	8.5			8.5		7			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
62	1827617418	Hoàng Nguyễn Xuân Nam	D18XDD2B	9			8.5		5.5			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
63	1827617421	Trần Văn Mạnh	D18XDD2B	10			8.5		4.5			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
64	1827617423	Trương Sơn	D18XDD2B	10			8		5.5			2.5	0.0	Không		
65	1827617424	Đoàn Ngọc Phước	D18XDD2B	10			7.5		4.5			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
66	1827617425	Nguyễn Hữu Việt	D18XDD2B	8			8		7.5			4.5	6.0	Sáu		
67	1827617426	Phạm Xuân Thắng	D18XDD2B	10			8		7.5			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
68	1827617430	Phan Chí Lâm	D18XDD2B	10			8		6			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
69	1827617433	Đoàn Lê Việt Đức	D18XDD2B	8			8		4.5			3	0.0	Không		
70	1827617439	Ngô Thanh Đại	D18XDD2B	9			7.5		8			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
71	1827617448	Trần Minh Toàn	D18XDD2B	10			7.5		7.5			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
72	1827617450	Nguyễn Hữu Thọ	D18XDD2B	10			8		5			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
73	1827617451	Lê Thiện Cường	D18XDD2B	10			8		7.5			6	7.1	Bảy phẩy Một		
74	1827617452	Trần Quốc Lan	D18XDD2B	8			7.5		6.5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
75	1827617456	Huỳnh Văn Lanh	D18XDD2B	10			8		3.5			2.5	0.0	Không		
76	1827617324	Nguyễn Duy Anh Minh	D18XDD3B	10			8		6.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
77	1827617331	Nguyễn Trần Thành Đoàn	D18XDD3B	10			8		7			6	7.1	Bảy phẩy Một		
78	1827617334	Mai Hồng Thịnh	D18XDD3B	10			6.5		4.5			5	5.9	Năm phẩy Chín		
79	1827617339	Võ Nhật Huy	D18XDD3B	10			7.5		6.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
80	1827617342	Nguyễn Kiên Tùng	D18XDD3B	9			7.5		4.5			3	0.0	Không		
81	1827617345	Lê Hồng Thanh	D18XDD3B	6			0		3.5			2	0.0	Không		
82	1827617348	Nguyễn Văn Lộc	D18XDD3B	10			6.5		8.5			3	0.0	Không		
83	1827617351	Bùi Viết Tân	D18XDD3B	9			7		4.5			3.5	0.0	Không		
84	1827617352	Phạm Thanh Tâm	D18XDD3B	0			0		0			V	0.0	Không	NỘ HP	
85	1827617354	Phan Thái Thụy	D18XDD3B	10			7		6.5			3.5	0.0	Không		
86	1827617356	Đỗ Nguyễn Lợi	D18XDD3B	10			7.5		7			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
87	1827617357	Võ Như Ý	D18XDD3B	10			7.5		8.5			8	8.3	Tám phẩy Ba		
88	1827617360	Nguyễn Văn Kiên Cường	D18XDD3B	10			6.5		4.5			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
89	1827617361	Nguyễn Văn Cường		D18XDD3B	10			8		9		8	8.5	Tám phẩy Năm		
90	1827617363	Phan Nhật Vũ		D18XDD3B	10			8.5		9		8	8.5	Tám phẩy Năm		
91	1827617364	Nguyễn Công Thanh	Tùng	D18XDD3B	9			8		6.5		7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
92	1827617373	Trần Ngọc Đức	Tâm	D18XDD3B	10			8		7		8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
93	1827617378	Đinh Văn	Tâm	D18XDD3B	10			8		8.5		8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
94	1827617382	Nguyễn Tấn	Duy	D18XDD3B	9			6.5		6.5		3	0.0	Không		
95	1827617390	Đinh Như	Hiếu	D18XDD3B	9			7.5		6.5		6	6.8	Sáu phẩy Tám		
96	1827617391	Hà Xuân	Ninh	D18XDD3B	8			4		3		2	0.0	Không		
97	1827617394	Ngô Hữu	Khánh	D18XDD3B	9			0		4		5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
98	1827617404	Trần Anh	Đào	D18XDD3B	8			7		8.5		6	6.8	Sáu phẩy Tám		
99	1827617405	Doãn Phước	Thành	D18XDD3B	10			7		3		3	0.0	Không		
100	1827617406	Lê Quang	Thạnh	D18XDD3B	9			7.5		4		2	0.0	Không		
101	1827617413	Hoàng Minh	Dương	D18XDD3B	9			0		4		3.5	0.0	Không		
102	1827617416	Cao Tấn	Tài	D18XDD3B	9			0		7		5	5.2	Năm phẩy Hai		
103	1827617427	Trần Thanh	Vinh	D18XDD3B	9			6		7		V	0.0	Không	NỢ HP	
104	1827617432	Dương Văn	Sáu	D18XDD3B	10			6		0		3.5	0.0	Không		
105	1827617434	Bùi Đức	Hải	D18XDD3B	10			6		7.5		5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
106	1827617438	Nguyễn Quỳnh	Trin	D18XDD3B	9			7.5		5		3	0.0	Không		
107	1827617440	Nguyễn Đức	Thời	D18XDD3B	8			7		4.5		3	0.0	Không		
108	1827617442	Trần Văn	Ngộ	D18XDD3B	10			6.5		5.5		3.5	0.0	Không		
109	1827617444	Trần Đình	Công	D18XDD3B	10			8		8.5		4.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
110	1827617446	Trần Minh	Xuân	D18XDD3B	10			7.5		5.5		2.5	0.0	Không		
111	1827617449	Lê Trọng	Dương	D18XDD3B	9			7		3.5		2	0.0	Không		
112	179213597	Nguyễn Văn	Kiều	D18XDD3B	9			6.5		8		5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
113	169211495	Dương Quốc	Hoàng	D18XDD3B	0			0		0		V	0.0	Không		
114	1921612431	Nguyễn Văn	Khánh	D19XDD	10			6		4		7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
115	132214508	Nguyễn Hữu Thành	Nhân	K13XDD1	8			6		5		2	0.0	Không	18079DT	
116	172217178	Trương Quang	Hợp	K17XDD	9			7.5		5.5		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
117	172219054	Hoàng Nam	Long	K17XDD	8			0		4		2.5	0.0	Không		
118	1921619895	Nguyễn Văn	Giang	D19XDD	10			6.5		5.5		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	81	69%	
2	Số sinh viên nợ	37	31%	
TỔNG CỘNG :		118	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tân

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Trương Văn Tâm

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2015

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Ân